TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/HS-ST
Ngày 29-11-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Đương; Ông Đặng Ngọc Tân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Vũ Xuân T**; tên gọi khác: không; giới tính: Nam;

Sinh ngày 10/8/1990, tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn M, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Vũ Xuân S, sinh năm 1962. Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Vợ: Phạm Thị L, sinh năm 1992; Có 02 con, sinh năm 2017 và 2020; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2010 tham gia nghĩa vụ quân sự đến năm 2011 xuất ngũ về địa phương; Bị tạm giữ từ ngày 23/8/2023 đến ngày 25/8/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Bị cáo: **Nguyễn Văn Ch**; tên gọi khác: không; giới tính: Nam;

Sinh ngày 04/3/1992, tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1956; Họ và tên mẹ: Hà Thị S (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 3/2010 tham gia nghĩa vụ quân sự đến tháng 7/2011 xuất ngũ về địa phương lao động tự do.

Ngày 22/8/2023 có hành vi "Đánh bạc" bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 23/8/2023 đến ngày 25/8/2023 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Bị cáo: **Nguyễn Văn H**; tên gọi khác: không; giới tính: Nam;

Sinh ngày 26/12/1993, tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Văn K, sinh năm 1967. Họ và tên mẹ: Phạm Thị M, sinh năm 1969. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 23/8/2023 đến ngày 25/8/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Bị cáo: **Đào Văn V1**; tên gọi khác: không; giới tính: Nam;

Sinh ngày 20/8/1964, tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 5/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Đào Văn Th (đã chết). Họ và tên mẹ: Phạm Thị O, sinh năm 1940; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; Có 03 con, sinh năm 1983, 1988 và 1990; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 23/8/2023 đến ngày 25/8/2023 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Bị cáo: **Phùng Công Tuấn A**; tên gọi khác: không; giới tính: Nam;

Sinh ngày 12/11/1993, tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Phùng Công H, sinh năm 1968. Họ và tên mẹ: Đỗ Thị H, sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 23/8/2023 đến ngày 25/8/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Bị cáo: **Đỗ Hữu Kh**; tên gọi khác: không; giới tính: Nam;

Sinh ngày 14/02/1990, tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Đỗ Văn Ch, sinh năm 1962. Họ và tên mẹ: Lê Thị Ph, sinh năm 1962; Vợ: Trần Thị S, sinh năm 1990; Có 04 con, sinh năm 2012, 2013 và 2016 (sinh đôi); Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 23/8/2023 đến ngày 25/8/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

7**.** Bị cáo: **Hà Văn V2**; tên gọi khác: không; giới tính: Nam;

Sinh ngày 21/12/1994, tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Hà Văn T, sinh năm 1970. Họ và tên mẹ: Phạm Thị L, sinh năm 1972; Vợ: Trần Thị L, sinh năm 1997; Có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tháng 9/2013 tham gia nghĩa vụ quân

sự đến tháng 12/2015 xuất ngũ về địa phương; ngày 22/12/2014 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam; Bị tạm giữ từ ngày 23/8/2023 đến ngày 25/8/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Bị cáo: **Hà Văn M**; tên gọi khác: không; giới tính: Nam;

Sinh ngày 06/3/1997, tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Hà Văn T (đã chết). Họ và tên mẹ: Phạm Thị H, sinh năm 1977; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1998; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2015 tham gia nghĩa vụ quân sự đến năm 2017 xuất ngũ về địa phương; Bị tạm giữ từ ngày 23/8/2023 đến ngày 25/8/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(*Tại phiên tòa có mặt các bị cáo)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 00 giờ 30 phút ngày 23/8/2023, tại nhà ở của bị cáo Đào Văn V1, tổ công tác Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang 07 bị cáo đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "liêng" gồm: Vũ Xuân T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn H, Hà Văn M, Hà Văn V2, Phùng Công Tuấn A, Đỗ Hữu Kh. Thu giữ tại nơi đánh bạc số tiền 1.450.000 đồng đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Quản lý trên người các bị cáo tổng số tiền 7.850.000 đồng dùng để đánh bạc, trong đó: Đào Văn V1 250.000 đồng, Phùng Công Tuấn A 450.000 đồng, Nguyễn Văn Ch 540.000 đồng, Nguyễn Văn H 900.000 đồng, Đỗ Hữu Kh 900.000 đồng, Vũ Xuân T 750.000 đồng, Hà Văn V2 3.210.000 đồng, Hà Văn M 850.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Do quen biết nhau và thường đến nhà V chơi nên khoảng 21 giờ ngày 22/8/2023, T, H và Ch đến nhà V ngồi chơi uống nước cùng V. Quá trình ngồi uống nước nói chuyện, Tới nói: "*Anh em mình vào làm tý Liêng ăn tiền*" thì H và Ch đều đồng ý, V không tham gia đánh bạc nhưng đồng ý cho mọi người đánh bạc tại nhà mình. Thấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân ở mặt bàn uống nước, Ch liền cầm bộ bài rồi cùng T, H đi vào phòng ngủ, ngồi xuống nền nhà và thống nhất đánh "Liêng" ăn tiền, mức độ sát phạt mỗi ván tiền góp gà cố định là 20.000 đồng, tố cao nhất không quá 100.000 đồng, mỗi người bỏ ra 50.000 đồng để trả V công dọn dẹp, thuốc, nước. Thống nhất xong, T, Ch và H đặt tiền xuống cùng nhau đánh bạc theo quy định. Ch là người chia ván bạc đầu tiên. Hình thức chơi và cách tính thắng thua mỗi ván bạc như sau: Ch trộn bài rồi lần lượt chia cho mỗi người chơi 03 lá bài, số lá bài còn lại được để úp xuống nền nhà. Trước khi lên bài, mỗi người phải đặt 20.000 đồng vào "tẩy' gọi là tiền gà. Những người chơi nhặt các lá bài của mình lên. Người chia bài là người đầu tiên được quyền "tố" trước tức là được đặt thêm vào "tẩy" một số tiền nhất định nhưng không quá 100.000 đồng. Lần lượt ngược theo chiều kim đồng hồ đến những người chơi tiếp theo có thể theo, tố thêm hoặc úp bài không theo. Trường hợp người trước đã tố thì người ngồi liền sau không được chuyển mà chỉ có quyền theo, tố hoặc úp bài. Những người theo phải đặt vào "tẩy" một số tiền bằng số tiền của người tố ngồi gần nhất đã vào "tẩy" và cũng có quyền tố thêm một số tiền nhất định. Khi người chơi tiếp

muốn theo phải đặt vào "tẩy" một số tiền bằng tổng số tiền theo và tiền tố thêm của người ngồi trước. Nếu trong ván bạc có người không theo thì người này bị thua số tiền gà đã đặt vào "tẩy" trước đó. Trong ván bạc chỉ có một người tố, những người tham gia chơi không theo thì người tố này đương nhiên thắng và được hưởng toàn bộ số tiền gà. Trong trường hợp khi không có người nào tố thêm thì tất cả những người theo và người tố sẽ tiến hành tính điểm để xác định người thắng. Cách tính: các lá bài 10, J, Q, K tính là 0 điểm; các lá bài từ A đến 9 tương ứng với số điểm từ 1 đến 9 điểm. Thứ tự tính điểm theo số 1 điểm nhỏ hơn (<) 2 điểm < 3điểm <...< 9 điểm< liêng (bà lá bài có thứ tự liên tục, liêng Q K A là to nhất, liêng A 2 3 là nhỏ nhất) < sáp (ba lá bài giống nhau, sáp AAA là lớn nhất, sáp 222 là nhỏ nhất). Trong ván bạc người chơi có số điểm bằng nhau thì căn cứ vào thứ tự chất rô, cơ, bích, tép để tính thắng thua, lá bài A là to nhất, lá bài 2 là nhỏ nhất. Kết thúc mỗi ván bạc người thắng được chia bài cho ván bạc tiếp theo. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, M đến thấy T, Ch và H đang đánh bạc thì M nói "*Anh đánh với*" và vào tham gia đánh bạc cùng mọi người với cách thức và mức độ được thua không đổi. Đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, V2 đến, thấy T, Ch, H và M đang đánh bạc thì nói "*Cho em chân*" rồi vào tham gia đánh bạc cùng mọi người với cách thức và mức độ được thua không đổi. Sau khi M, V2 vào tham gia đánh bạc, Ch thu của T, H, M và V mỗi người 50.000 đồng (tổng 250.000 đồng bao gồm 50.000 đồng của Ch) rồi đưa cho V3 tại đó. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Tuấn A đến và tham gia đánh bạc cùng mọi người với cách thức và mức độ được thua không đổi. Đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày, Kh đến thấy T, Ch, H, M, V2 và Tuấn A đang đánh bạc thì nói "*Em tham gia cùng với*" rồi vào đánh bạc cùng mọi người với cách thức và mức độ được thua không đổi. Vị trí ngồi đánh bạc của từng người cố định, như sau: Tính từ người ngồi gần cửa ra vào gian phòng ngủ nhất và theo chiều quay kim đồng hồ đầu tiên là H, tiếp theo lần lượt đến M - Tuấn A - T - Ch - V - Kh, V2 đứng, ngồi không cố định, lúc xem, lúc đi ra ngoài. Đến khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày, khi V2 đang ngồi xem T, H, Ch, M, V, Tuấn A và Kh đang đánh bạc được thu bằng tiền thì bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang. Quá trình bắt giữ, T, H, Ch, M, V, Tuấn A, Kh và V1 cầm tiền của mình bỏ chạy xáo trộn trong nhà V2 nhưng đều bị cơ quan Công an bắt giữ, quản lý toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai số tiền đánh bạc như sau: V khai số tiền 250.000 đồng do Ch thu của Ch, T, H, M và V1 mỗi người 50.000 đồng đưa cho V2 trả công dọn dẹp, thuốc, nước, khi bị bắt bị quản lý số tiền 250.000 đồng. A khai số tiền đánh bạc là 1.400.000 đồng, khi bị bắt bị quản lý số tiền 450.000 đồng. Ch khai số tiền đánh bạc khoảng 1.500.000 đồng, khi bị bắt bị quản lý số tiền 540.000 đồng. H khai số tiền đánh bạc khoảng 2.000.000 đồng, khi bị bắt bị quản lý trên người số tiền 900.000 đồng. Kh khai số tiền đánh bạc khoảng 500.000 đồng, do thắng bạc nên khi bị bắt bị quản lý trên người số tiền 900.000 đồng. T khai số tiền đánh bạc 800.000 đồng, khi bị bắt bị quản lý số tiền 750.000 đồng. V khai số tiền đánh bạc 2.050.000 đồng, khi bị bắt bị quản lý số tiền 3.210.000 đồng nhiều hơn số tiền mang đi do thắng bạc. M khai số tiền đánh bạc khoảng 1.050.000 đồng, khi bị bắt bị quản lý trên người số tiền 850.000 đồng. Ngoài Kh, V xác định được số tiền thắng bạc, các bị cáo còn lại đều không xác định được số tiền thắng - thua vì khi bị bắt đã để ở chiếu bạc. Các bị cáo đều khai nhận toàn bộ số tiền thu tại chiếu bạc và thu trên người các bị can đều dùng để đánh bạc.

Như vậy, xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 9.300.000 đồng *(Chín triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Bản cáo trạng số 123/CT-VKSQP ngày 26/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã truy tố các bị cáo về tội: "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

-*Tại phiên tòa*:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong giai đoạn điều tra, truy tố và đúng như nội dung mô tả trong bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "*Đánh bạc*". Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; Áp dụng khoản 3 Điều 321 đối với các bị cáo T, Ch, H, Tuấn A Kh, V; Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T, Chung, V, M; Áp dụng Điều 38, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, Ch, H, V2, Tuấn A. Áp dụng Điều Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Kh; Áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V và M.

- Đề nghị xử phạt bị cáo T, Ch, H mức án mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Xử phạt bị cáo V2, Tuấn A mức án mỗi bị cáo từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo T, Ch, H, V2, Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Kh mức án từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Kh cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Đề nghị xử hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo V và M. Mức phạt tiền đối với bị cáo V từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, bị cáo M từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước;

- Đề nghị phạt bổ sung các bị cáo Tới, Chung, Hưng, Tuấn Anh, Khắc, Việt mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Viển và Mạnh do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và án phí: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.300.000 đồng; Tịch thu để tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ có 52 lá bài. Các bị cáo T, Ch, H,

Tuấn A, Kh, V, M phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do bị cáo V2 là người đủ 60 tuổi, đề nghị miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo V2.

Giữa các bị cáo không có ý kiến tranh luận với nhau, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Các bị cáo có lời nói sau cùng, bị cáo T, Ch, H, Tuấn A, Kh, V2 đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương nơi cư trú để có điều kiện chăm sóc con cái, trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo V và M đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt chính là phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và còn được chứng minh bằng các tài liệu như:

-Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu; các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 00 giờ 30 phút; 05 giờ 10 phút, 05 giờ 45 phút, 06 giờ, 06 giờ 05 phút, 06 giờ 10 phút, 06 giờ 15 phút, 06 giờ 20 phút, 06 giờ 25 phút, 06 giờ 30 phút và 06 giờ 35 phút cùng ngày 23/8/2023 tại nhà bị cáo Việt.

-Trích lục sơ đồ thửa đất; sơ đồ hiện trường vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập.

-Kết luận giám định số 1413/KLĐT-CQĐT ngày 27/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, xác định: số tiền 9.300.000 đồng (75 tờ tiền) sử dụng đánh bạc là tiền thật Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ ngày 22/8/2023 đến 00 giờ 30 phút ngày 23/8/2023, tại phòng ngủ nhà của bị cáo Đào Văn V1, sinh năm 1964, tại thôn Q, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Vũ Xuân T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn H, Hà Văn M, Hà Văn V2, Phùng Công Tuấn A, Đỗ Hữu Kh đã có hành vi cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "Liêng", bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền dùng để đánh bạc là 9.300.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "*Đánh bạc*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 321. Tội đánh bạc

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

……

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý của nhà nước về trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội và dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án cho thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội mang tính chất bộc phát. Do quen biết, bị cáo T, H, Ch đến nhà bị cáo V2 chơi, tại đây T đã rủ và cùng các bị cáo đánh bạc và lần lượt các bị cáo còn lại đến tham gia đánh bạc. Bị cáo V2 không tham gia đánh bạc nhưng do nể nang đã để cho các bị cáo đánh bạc tại nhà thuộc quyền quản lý, sử dụng. Giữa các bị cáo không có sự phân công và bàn bạc cụ thể từ trước, nhưng vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo có sự khác nhau, vì vậy cần phải xem xét hành vi, vai trò và số tiền dùng đánh bạc cũng như nhân thân của từng bị cáo để xét xử và tuyên mức hình phạt cho phù hợp.

Trong vụ án này, bị cáo T có số tiền đánh bạc thấp, nhưng bị cáo là người khởi sướng; bị cáo Ch có số tiền dùng đánh bạc cao thứ ba trong vụ án, nhưng bị cáo trực tiếp đi lấy bộ bài là phương tiện phạm tội, là người chia bài ván đầu tiên; bị cáo H có số tiền dùng đánh bạc cao nhất trong vụ án, tham gia đánh bạc ngay từ đầu. Vì vậy cần xếp vai trò và mức án của 3 bị cáo T, Ch và H ngang nhau và cao nhất trong vụ án. Đối với bị cáo Tuấn A có số tiền dùng vào việc đánh bạc cao thứ tư trong vụ án, tham gia đánh bạc sau; bị cáo V2 không tham gia đánh bạc nhưng đã dùng nhà thuộc quyền quản lý, sử dụng để các bị cáo đánh bạc, vì vậy cần xếp vai trò và mức án của bị cáo Tuấn A và V ngang nhau và đứng thứ hai. Đối với bị cáo Kh có số tiền đánh bạc thấp trong vụ án; bị cáo V có số tiền đánh bạc cao nhất trong vụ án; bị cáo M có số tiền đánh bạc cao thứ năm trong vụ án, bị cáo Kh, V và M tham gia đánh bạc sau, nhưng bị cáo V và M được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy khi lượng hình cần lên mức hình phạt, loại hình phạt đối với các bị cáo Kh, V và M cho phù hợp.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng và nhân thân của các bị cáo cho thấy: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo T, Ch, M, V có thời

gian tham gia nghĩa vụ quân sự. Vì vậy, cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T, Ch, M, V. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt: Từ những phân tích nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo T, Ch, H, Tuấn A, V2; Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Kh; Áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo V và M là phù hợp, tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và bảo đảm mục đích hình phạt nói chung.

[7] Về hành phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, Ch, H, Tuấn A, V2; Kh. Đối với bị cáo V và M do hình phạt chính là phạt tiền, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo V và Mạnh như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Đối với bị cáo Kh hiện tại không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, vì vậy không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Kh.

[8] Trong vụ án này bà Nguyễn Thị T, là vợ bị cáo V, có mặt ở nhà nhưng nằm ngủ nên không biết việc các bị cáo đánh bạc, không được ai hứa hẹn, bàn bạc về việc đánh bạc tại nhà nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà T là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã quản lý 01 bộ tú lơ khơ có 52 lá, xét thấy đây là vật chứng của vụ án và không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn quản lý số tiền 9.300.000 đồng mà các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu số tiền này nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[10] Về án phí: Các bị cáo Ch, H, M, V, Tuấn A, Kh, T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo V2 là người cao tuổi, vì vậy căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo V2.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Xuân T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn H, Phùng Công Tuấn A, Đào Văn V1, Đỗ Hữu Kh, Hà Văn M, Hà Văn V2 phạm tội "*Đánh bạc*".

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

-Xử phạt bị cáo Vũ Xuân T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Tới 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Chung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Hưng 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

-Xử phạt bị cáo Phùng Công Tuấn A 07 (bẩy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Tuấn Anh 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

-Xử phạt bị cáo Đào Văn V1 07 (bẩy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Việt 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q; Giao bị cáo Ch, H, Tuấn A, V2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

"*Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự*".

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

-Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu Kh 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ được đối trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (*từ ngày 23/8/2023 đến ngày 25/8/2023*) bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Quỳnh Phụ nhận được quyết định thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Kh 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Kh cho Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Kh.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

-Xử phạt bị cáo Hà Văn V2 25.000.000 đồng (*Hai mươi năm triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

-Xử phạt bị cáo Hà Văn M 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

2. ***Về xử lý vật chứng***: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu 01 bộ tú lơ khơ có 52 lá để tiêu hủy; Tịch thu số tiền 9.300.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

(*Vật chứng và số tiền trên có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ đang quản lý*)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Vũ Xuân T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn H, Hà Văn M, Hà Văn V2, Phùng Công Tuấn A, Đỗ Hữu Kh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đào Văn V1.

4. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự*. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Q.Phụ;
- UBND xã An Thanh, xã Đồng Tiến huyện Quỳnh Phụ;;
- Bị cáo;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC